Lăng Ba Vi Bộ
凌 波 微 步

Viết về mối u tình của Tào Thực với người chị dâu

PHẠM XUÂN HY

Ở miền nam Việt Nam, trước 1975, hầu hết các báo hàng ngày đều đua nhau dịch truyện « chưởng » của Kim Dung để câu khách.Độc giả của ông có đủ thành phần , từ trí thức đến bình dân.Từ bác sĩ, giáo sư, đến các ông phu xích lô, đều say mê đọc. Người ta đem những tình tiết, những thế võ, của các nhân vật trong tiểu thuyết của Kim Dung ra bàn bạc, tán dóc, trong tửu quán, và ngay cả nơi làm việc.

Tranh « Nữ Thần sông Lạc Thủy »của Dương Thục Đào

Tôi cũng là một người trong số đó.

Tôi còn nhớ, lúc còn bé, già nửa thế kỷ trước đây, tôi đã từng đêm ngày « luyện » : « Chu Long Kiếm », « Lục Kiếm Đồng », của Văn Tuyền để học môn « phun kiếm ra đằng mũi ». Rồi « Hòang Giang Nữ Hiệp ». Rồi « Giao Trì Hiệp Nữ ».Rồi « Bồng Lai Hiệp Khách ». Rồi « Long Hình Quái Khách ». Và đến « Bích Liên Nữ Giáo Chủ », thì tôi để bụng yêu vụng một người chị láng giềng xinh đẹp, hơn tôi năm sáu tuổi. Sau này, vào thời kỳ tiểu thuyết « chưởng » của Kim Dung, với những kiến thức uyên bác rộng rãi, về đủ mọi mặt của ông, đã đánh bại loại truyện « kiếm hiệp há mồm phun ra lửa » của thế hệ nhi đồng của tôi, tạo ra một ảnh hưởng thực sự sâu trong nhiều lãnh vực sinh hoạt và đời sống xã hội của người dân miền nam.

Ngay cả đến một số nhà văn Viêt Nam , vì thich những nhân vật của Kim Dung, cũng mượn « đùa » danh xưng của những nhân vật trong tiểu thuyết của ông làm bút hiệu, như Kha Trấn Ác, Hồng Thất Công, Kiều Phong, Vương Trùng Dương, Đoàn Dự…Những nhà văn này đều là những nhà văn có tiếng và thành danh trước năm 1975 cả.

Ngoài ra, một số từ ngữ trong tiểu thuyêt của Kim Dung cũng được Việt hóa và du nhập vào văn chương ngôn ngữ Việt Nam. Những từ ngữ như « Ma đầu », « Ma giáo », « Nhất dương chỉ », « Tẩu hỏa Nhập Ma »,« Lăng Ba Vi Bộ » v.v. lúc bấy giờ người ta thấy những từ ngữ này xuất hiện nhan nhản thường xuyên trên những bài báo, bài văn, trong những ngôn ngữ đối thoại hàng ngày, tán dóc để mua vui, trong lúc trà dư tửu hậu.

Nhưng người đọc ít khi mất thì giờ tìm hiểu những Đoàn Dự, những Vương Trùng Dương, những Đoàn Chính Thuần, là những nhân vật hư cấu, hay có thật.
Riêng với từ ngữ « Lăng Ba Vi Bộ », thì gần đây thôi, tôi gặp một người bạn, trong khi nói chuyện, tôi hỏi thăm anh bây giờ làm ăn gì, thì anh vui vẻ gọn ghẽ trả lời : « Lăng Ba Vi Bộ ».
Té ra, anh lúc này thất nghiệp, anh đi lang thang, và chẳng làm ăn gì cả.

Từ ngữ « Lăng Ba Vi Bộ 凌波微步 được gia nhập quốc tịch Việt, mà không tuyên thệ, nên người ta tùy ý xử dụng, và với nhiều ý nghĩa và tùy theo hòan cảnh khác nhau.
Và nếu, có nhớ đến xuất xứ của bốn chữ này, thì được nhớ ngay là từ ngữ của Kim Dung trong « Lục Mạch Thần kiếm», đồng thời là tên của thế võ mà nhân vật Đoàn Dự sử dụng .
Thật ra nhân vật Đoàn Dự thì lại là một nhân vật có thực trong lịch sử Trung Quốc, nhưng cũng đã được Kim Dung hư cấu thành nhân vật tiểu thuyết.
Tôi đã có dịp tra cứu nhân vật này trong một cuốn từ điển Trung Quốc ; và tôi đã ghi lại như sau:
Tên thật là Đoàn Chính Nghiêm hoặc còn gọi là Đoàn Hòa Dự, Đoàn Dự, là vua đời thứ 16 nước Đại Lý thời nhà Tống, thuộc Bạch tộc, nay là Đại Lý tỉnh Vân Nam, con của Đoàn Chính Thuần.
Năm Đại Quan nhị niên đời Tống Huy Tông, tức năm 1108, Đoàn Chính Thuần bỏ đi tu, nhường ngôi cho Đoàn Chính Nghiêm.
Năm sau, tức năm 1109, Đoàn Chính Nghiêm cải nguyên là Nhật Tân. Vào tết Trung Nguyên, các nơi đến cống hiến vô số là kim ngân, gấm vóc, tê tượng, trân bảo, trâu ngựa khắp cả rừng núi.
Đến năm Đại Quan tứ niên, tức năm 1110, Đoàn Chính Nghiêm cải nguyên là Văn Trị, phái Tướng Quốc là Cao Thái Minh trấn áp cuộc phản kháng của 37 Man bộ.
Đến năm Chính Hòa lục niên, tức năm 1116, Đoàn Chính Nghiêm phong cho Cao Thái Minh làm Bình Quốc Công.
Ít lâu sau Cao Thái Minh qua đời, Cao Thái Vận chủ trì việc nước, con của Cao Thái Minh là Cao Tri Xương nhân có tội bị đi đầy rồi chết. Hai bộ thuộc của Cao Tri Xương là Dõan và Hà âm mưu báo thù cho chủ, chờ lúc Đoàn Chính Nghiêm vào chùa dâng hương thì sát hại.Âm mưu của Dõan và Hà bị tiết lộ, nhưng Đoàn Chính Nghiêm lại coi hai người này là nghĩa, muốn xá tội và gia tăng quan tước cho. Tuy thế, cả Dõan và Hà đều từ chối không theo, nguyện xin được chết.
Sau khi hai người này bị sử quyết, Đoàn Chính Nghiêm lập « nghĩa sĩ trủng », tức mồ nghĩa sĩ cho họ Doãn và họ Hà.
Cùng năm, Đoàn Chính Nghiêm phái Lý Tử Tông và Lý Bá Tường làm Chánh và Phó Sứ vào triều cống nhà Tống. Năm sau thì họ vào đến kinh sư nhà Tống ở Biện Lương (nay là Khai Phong). Cống phẩm gồm có 380 con ngựa, cùng xạ hương, ngưu hòang, tế chiên, Đoàn Chính Nghiêm được Tống phong làm Kim Tử Quang Lộc Đại Phu, Kiểm Hiệu Tư Không, Văn Nam Tiết Độ Sứ, Thượng Trụ Quốc, Đại Lý Quốc Vương.
Đến năm Thiệu Hưng thập thất niên đời Tống Cao Tông thời Nam Tống, tức năm 1147, Đoàn Chính Nghiêm đem quân trấn áp cuộc khởi nghĩa của bộ tộc địa phương, bị thất bại.
Cùng năm, 37 Man bộ lại khởi binh phản kháng, đánh chiếm vùng Thiện Siển (Côn Minh Vân Nam ngày nay).Con Cao Thái Minh là Cao Minh Thanh bị giết.
Trước tình thế « trong tranh giành, ngòai bội phản », Đoàn Chính Nghiêm bèn bỏ ngôi đi tu, con là Đoàn Chính Hưng lên kế vị.
Đoàn Chính Nghiêm ở ngôi được 39 năm, là ông vua nước Đại Lý lâu dài nhất, thụy hiệu là Hiến Tông Tuyên Nhân Hòang Đế.

Tác giả Kim Dung đã dựa vào Đoàn Chính Nghiêm để hư cấu thành nhân vật võ hiệp là có võ công siêu đẳng « Lăng Ba Vi Bộ » trong truyện Thiên Long Bát Bộ.

A-Lăng Ba Vi Bộ (凌波微步)

Trong tiểu thuyết võ hiệp « Thiên Long Bát Bộ » của Kim Dung, nhân vật Đoàn Dự có thế võ khinh công tuyệt kỹ gọi là « Lăng Ba Vi Bộ ».

Thật ra, bốn chữ này không phải do Kim Dung sáng tạo ra, mà ông đã mượn bốn chữ này trong một bài phú nổi tiếng lãng mạn trữ tình, được các văn học giả Trung Quốc xưng tụng là bài phú kiệt tác của thời nhà Ngụy đời Tam Quốc, tức là bài "Cảm Chân Phú" do Trần Tư Vương Tào Thực, một đại văn hào tài hoa phóng khóang viết ra vào năm 223.

Có nhà phê bình văn học cho rằng thông qua nữ thần sông Lạc Thủy, tác giả đã sử dụng nhiều mỹ từ, trí tưởng tượng phong phú, kể lại sự tương ngộ lãng mạng trong mơ của ông với Mật Phi, vị nữ thần của sông Lạc thủy, từ vóc dáng tiêu sái thóat tục, phẩm hạnh đoan chính trang nhã, bước đi uyển chuyển nhẹ nhàng, đến chuyện tác giả được nữ thần đem gối đầu ra tặng, và nỗi lòng tương tư thương nhớ của ông khi hai người chia tay nhau, mà về sau có người cho đó, chính là hình ảnh của Chân thị, người chị dâu ,vợ Ngụy Văn Đế Tào Phi, mà ông đã đem hết lòng ngưỡng mộ.

Bài phú này cũng trở thành đề tài tranh luận lâu đời về mối u tình của ông với Chân Hòang Hậu.

Ở đây tôi chỉ xin trich một đọan ngắn, trong bài phú, đó là lời Tào Thực kể lại cho người đánh xe ngựa của mình, về thể thái, dáng đi, điệu bộ, sắc diện của Nữ Thần Sông Lạc mà ông đã mơ thấy :

休迅飛鳧，飄忽若神，；凌波微步，羅襪生塵。動無常則，若危若安。進止難期，若往若還。轉眄流精，光潤玉顏。含辭未吐，氣若幽蘭。華容婀娜，令我忘餐

Hưu tấn phi phù,Phiêu hốt như thần, Lăng ba vi bộ, la mạt sinh trần, động vô thường tắc ; nhược nguy nhược an ,tiến chỉ nan kỳ,nhược vãng nhược hòan, chuyển miện lưu tinh,quang nhuận ngọc nhan, hàm từ vị thổ.khí như u lan ,hoa dung a na. lịnh ngã vong sán

Tạm dịch :

Nàng (tức nữ thần Lạc thủy) có vóc dáng nhẹ nhàng như ngỗng trời bay, ẩn hiện vô thường , biến ảo quỷ xuất thần một. Chân lướt trên sóng, đi những bước nhanh nhẹn nhỏ bé, tiến về phía ta, làm bụi nước bay lên bám vớ lụa như những giọt thủy châu.Hành vi, cử chỉ,đều lạ kỳ không chuẩn mực. Tưởng như hấp tấp, mà hóa ra nhàn nhã. Tiến thoái, động tĩnh đều như không định trước.Có lúc, ta tưởng nàng như sắp dời xa mà hóa ra lại gần. Rồi nàng đưa mắt nhìn ta, dung nhan như ngọc nhuận , ôn hòa mà thanh khiết.Miệng như muốn nói, mà e ấp thẹn thù . Hương thơm như u lan tán phát. Phong thái yêu kiều khả ái, khiến lòng ta đắm đuối si mê, quên ăn mất ngủ.

Mấy chữ "凌 波 微 步 Lăng Ba Vi Bộ", trong bài phú này đã được Kim Dung mượn để đặt tên cho miếng võ khinh công trấn môn, tuyệt kỹ của Đoàn Dự trong Thiên Long Bát Bộ như trên đã trình bầy.

Thực tế, trong võ thuật, không hề có thế võ nào mang tên là "Lăng Ba Vi Bộ » . Đây là chữ, là ngôn ngữ, của Tào Thực.Cũng thế, Đoàn Dự trong « Thiên Long Bát Bộ », cũng chỉ là một nhân vật « ảo », của Kim Dung.Nhân vật « thật », Đoàn Dự, là một hòang đế của nước Đại Lý, như đã trình bầy ở trên .

B-Bối cảnh Tào Thực viết « Cảm Chân Phú»

Các nhà nghiên cứu văn học sử Trung Quốc thường chia tác phẩm văn học của Tào Thực làm hai thời kỳ : tiền kỳ và hậu kỳ.

Vào thời tiền kỳ,Tào Phi với Tào Thực là những nhân vật chủ yếu tập đoàn văn nhân của Ngiệp Thành, chuyên du sơn ngọan thủy, làm thơ ngâm vịnh, viết những bài văn , bài phú nói lên cái lý tưởng chính trị của mình, khai sinh ra những tác phẩm phản ánh những tình thế động đãng thời cục, những nỗi cực khổ trong đời sống của nhân dân.
Còn về thời hậu kỳ, chủ yếu thơ văn của Tào Thực đa số mô tả nỗi bi phẫn, uất ức do ông bị người anh là Tào Phi tìm cách chèn ép bách hại.
Bài « Cảm Chân Phú» là đại biểu tác phẩm của ông thời kỳ thứ hai này.
Bài « Cảm Chân Phú » được các nhà phê bình văn học Trung Quốc xưng tụng là một tác phẩm kiệt xuất của Tào Thực, nếu đem so sánh với bài « Cửu Ca » của Khuất Nguyên thì có thể ngang ngửa.Bài phú này là bài phú đại biểu cho thời kỳ văn học Kiến An.
Theo bài tự của tác giả trong sách Văn Tuyển, thì vào năm Hòang Sơ tam niên, tức năm 222, tác giả từ kinh sư trở về phong địa, trên đường đậu thuyền nghỉ đêm bên bờ sông Lạc Thủy , đã thông qua sự tưởng tượng mộng ảo , cấu tứ ly kỳ, lời văn mỹ lệ,viêt bài "Cảm Chân Phú", mô tả sự tương ngộ của tác giả với nữ thần sông Lạc Thủy là Mật Phi, rồi hai người yêu nhau, nhưng cuối cùng , vì "thần" và "người" khác biệt nhau, không thể sống với nhau được, đành phải chia ly đau sót.
"Cảm Chân Phú" tuy chịu ảnh hưởng của "Thần Nữ Phú" của Tống Ngọc nhưng về kỹ thuật thì tỷ dụ sinh động, tiến bộ, đẹp đẽ hơn. Tình tiết như sóng gợi dạt dào, lúc lên lúc xuống. Ngôn ngữ cấu tứ ly kỳ diễm tuyệt, người đọc xong vẫn còn cảm thấy dư vận lan man bất tận.
Có thuyết cho rằng Tào Thực viết "Cảm Chân Phú" là vì thương nhớ nàng Chân thị, người chị dâu, vợ Tào Phi.
Sau đó hơn bốn trăm năm, vào năm Hiển Khánh tam niên, đời Đường Cao Tông, tức năm 658, Lý Thiện, một văn học gia đời Đường, làm chú giải sách " Văn Tuyển" có viết như sau :
"Đông A Vương (Tào Thực) cuối đời nhà Hán muốn lấy con gái Chân Dật (tức Chân thị) nhưng không tọai nguyện.Khi Tào Tháo hồi binh, đem Chân thị gả cho Ngũ Quan Trung Lang Tướng Tào Phi, khiến cho Tào Thực hết sức bất bình.Ngày đêm tơ tưởng, đến bỏ cả ăn ngủ.
Sau khi Chân thị chết được hai năm, đến năm Hòang Sơ tứ niên, tức năm 223, Tào Thực đến Lạc Dương để triều kiến Ngụy Văn Đế Tào Phi.Phi có lẽ như hối hận, sai con là Thái Tử là Tào Duệ, người con do Chân thị sinh ra, mở tiệc và bồi tiếp Tào Thực.
Tào Thực nhìn thấy cháu, tưởng nhớ đến Chân Thị, lòng đau sót miên man. Bất giác rơi lệ.
Sau bữa ăn, Tào Thực được Tào Phi ban cho di vật của Chân thị.
Đó là một chiếc gối đầu có dát ngọc và đai bằng vàng.
Tào Thực mang chiếc gối đầu của người Chân Thị trở về phong địa của mình.Trên đường về, Thực đậu thuyền bên bờ sông Lạc Thủy.
Nhân vì lòng quá bi thống thương nhớ Chân thị, lại thêm đường trường lao lụy mệt mỏi, thần trí mông lung hỏang hốt, đứng ngồi không yên, Tào Thực bỗng mơ màng cảm thấy bóng Chân thị yểu điệu thướt tha từ xa lướt gió xuất hiện, nói :
-Lòng thiếp vốn phó thác cho chàng, mà không được tọai nguyện.Chiếc gối đầu này là của thiếp mang theo khi lấy Ngũ Quan Trung Lang Tướng (chức của Tào Phi khi chưa cướp ngôi nhà Hán), nay xin hiến tặng chàng . Sau đó nàng sai người đem châu báu tặng cho Thực.Thực cũng đem ngọc bội tặng lại.
Rồi cùng nhau hoan lạc
Cả hai vừa sót xa vừa bi thống .
Xong thì biến đi.
Lúc Tào Thực hỏang hốt tình dậy.
Té ra chỉ là một giấc Nam Kha.

Khi về đến phong địa của mình ở Chân Thành, hình ảnh tao ngộ trong mộng với Chân thị bên bờ sông Lạc Thủy vẫn còn làm cảm kích, tâm hồn, đầu óc TàoThực, lại thêm văn tứ dồi dào, nhân thế, Tào Thực mới viết « Cảm Chân Phú 感甄賦 ».
Về sau, Ngụy Minh Đế Tào Duệ, con của Chân Thị, lên nối nghiệp Tào Phi, tránh tiếng cho mẹ, mới đổi «Cảm Chân Phú » thành « Lạc Thần Phú 洛神賦».
Từ bài viết của Lý Thiện, người đời sau mới đặt thành nghi vấn Tào Thực vì quá yêu Chân Thị mà viết « Lạc Thần Phú ».

C-Phải chăng vì yêu người chị dâu mà Tào Thực viết « Lạc Thần Phú ?

Sau khi bài Lạc Thần Phú ra đời khỏang 300 năm, đến đời nhà Lương, con của Lương Võ Đế, là Thái Tử Tiêu Thống, cùng với các văn nhân đương thời sọan một tuyển tập thi văn đầu tiên của Trung Quốc, đem bài Cảm Chân Phú của Tào Thực, xếp vào hạng « tình lọai ».
Rồi mãi đến thời nhà Đường, Lý Thiện, như đã thuật ở trên, viết chú dẫn về « Văn Tuyển », thuật lại Tào Thực có ý muốn lấy Chân Thị, không thành, đến nỗi bỏ ăn mất ngủ.Rồi sau, Tào Phi lại đem gối đầu của Chân Thị ban cho Tào Thực.
Như vậy, có thật Tào Thực vì yêu người chị dâu họ Chân của mình mà viết "Cảm Chân Phú" không ?
Câu hỏi này đã trở thành một đề tài tranh luận kéo dài cả ngàn năm nay, vẫn chưa có câu trả lời dứt khóat.
Trên diễn đàn văn học Trung Quốc, có hai quan điểm chống đối lẫn nhau.

- Những lý luận phủ nhận Tào Thực yêu Chân Hậu

Chân thị là vợ Tào Phi, mà Tào Thực là em của Tào Phi. Em mà dám ngang nhiên yêu chị dâu mình, cho dù yêu lén, đứng về mặt đạo lý « anh em », đó là điều bất nghĩa. Đứng về mặt quân thần, đó là điều « bất trung », một tội mà cổ nhân thường gọi là « đại nghịch bất đạo ».
Dựa trên lý luận như thế, các nhà nho xưa, nổi tiếng trên diễn đàn văn học đã đua nhau đứng lên phản bác, đả kích.
Đại khái, những lập luận của phe phản đối có thể tóm vào những điểm sau đây :
1-Bản chú thích « Văn Tuyển » của Lý Thiện, không có lời chú dẫn như trên đây, mà do Vưu Mậu, người đời Tống nhầm lẫn khi san đính lại.
2-Không thể nào có khả năng xẩy ra việc Tào Thực yêu chị dâu mình được. Tào Thực phải lo giữ « thủ cấp » của mình, không thể có đủ can đảm dám viết một cách bộc bạch rõ ràng nối « Cảm Nhớ Chân Hậu », vì khi đó Tào Thực đang bị Tào Phi ép bức, nhân có sự tranh chấp về quyền hành chính trị và quyền nối ngôi báu.
3-Làm em mà muốn chiếm vợ của anh mình, đó là hành vi ô nhục của cầm thú.Vả, kẻ làm anh (Tào Phi) lẽ nào an nhiên để cho em làm bôi nhọ vợ mình sao ? Rồi kẻ làm con (Tào Duệ Ngụy Minh Đế), lẽ nào lại an nhiên chịu để cho người chú ruột làm mất danh dự của mẹ mình sao ? Nên Tào Duệ đã đổi tên bài phú từ "Cảm Chân Phú" thành "Lạc Thần Phú" ! Vả lại chữ Chân còn có nghĩa là Chân Thành, phong địa của Tào Thực.
4-Khi làm chú giải « Văn Tuyển », Lý Thiện thuật lại rằng Tào Phi đem chiếc gối đầu của Chân thị đưa cho Tào Thực coi, rồi đem gối đó ban cho Tào Thực, đó chẳng qua chỉ là một sự bịa đặt, không hợp lý, cho dù « lão lý đình dù » cũng chẳng làm, huống hồ là một bậc văn nhã vương hầu như Tào Thực .
5-Tào Thực sinh năm 192 CN; còn Chân thị sinh năm 182 CN, luận về tuổi tác thì Tào Thực ít hơn Chân Thị 10 tuổi, khó có khả năng Tào Thực, lúc 12 tuổi cầu xin cha mình là Tào Tháo, cưới một người thiếu phụ đã 20 tuổi, đã có chồng (tức Viên Hy), để làm vợ.

Do Lạc Thần Phú là một bài phú hay, có nhiều ảnh hưởng trên văn đàn, thêm vào đó là sự cảm động về bi kịch luyến ái của Chân Thị và Tào Thực, nên người đời truyền tụng bảo nhau, và nhất định coi là nữ thần Lạc Thủy là Chân Thị.

-Những lý luận đồng tình cho Tào Thực viết "Lạc Thần Phú" là vì yêu Chân Hậu

Năm 204, sau khi Tào Tháo phá vỡ Nghiệp Thành, Tào Phi lấy được Chân thị, Tào Tháo chẳng những không được nghỉ ngơi, mà còn vất vả hơn vì phải lo sửa soạn chiến tranh , chinh phục miền nam.

Tự nhiên, Tào Phi ở địa vị là con trưởng cũng vì thế, luôn thường phải xa nhà, đi ra chiến trường.

Vì thế, Chân thị trở thành phòng không lạnh giá.

Trái lại, Tào Thực còn ít tuổi, bản tính lại không thích chiến tranh giết chóc. Vì được ở nhà, Tào Thực thường có cơ hội ở bên người chị dâu Chân Thị, tình cảm dần dần sinh sôi nẩy nở. Lúc đó Chân thị mới có 20 tuổi. Tào Thực mới lên mười. Rồi thời gian trôi đi, Tào Thực cũng trưởng đại dần, dù có đem lòng yêu người chị dâu có nhan sắc "phong hoa tuyệt đại", biến nàng thành nữ thần trong tâm hồn của mình, là một điều rất có khả năng xẩy ra.

Tài tử giai nhân, từ ngàn xưa muôn đời vốn là hay duyên nợ.

Vả lại, người đời thường có câu nói: "Yêu nhau ai tính tuổi bao giờ"

Ngòai ra, đứng về mặt ái tình tâm lý, chẳng có gì để quả quyết khẳng định rằng vì cách biệt tuổi tác thì không thể yêu nhau được.

Bằng cớ, ngay Tào Phi cũng kém Chân Hậu năm tuổi, mà vẫn lấy Chân Hậu làm vợ.

Và nhà thơ Hòang Cầm, ông đã chẳng từng kể lại rằng lúc chỉ mới 12 tuổi, ông đã phải lòng, yêu một cô láng giềng xinh đẹp lớn hơn mình 8 tuổi. Rồi vất vả ngược xuôi. Từ đồng chiều cuống dạ. Đến nắng vãn bên sông. Ông cố đi tìm một thứ lá gọi là "Lá Diêu Bông", không biết là lá gì, để mong được làm chồng người chị hàng xóm xinh đẹp đó. Nhưng khi tìm được lá rồi, thì người chị hàng xóm đã đi lấy chồng.

Ông tiếc công mình, chỉ biết buông tiếng thở dài não nuột:

"Diêu Bông hời !

Ới Diêu Bông! »

Và, bài thơ "Lá Diêu Bông" được ra đời năm 1959, trở thành một bài thơ được nhiều người yêu thích ngâm ngợi, và được nhiều nhạc sĩ phổ thành những bản nhạc trữ tình, thật đẹp.

Nhưng nhắc đến Lạc Thần Phú, tất nhiên không thể không nhắc đến « chủ nhân công », những nhân vật chính, của bài phú này : Chân Hậu, và Tào Thực.

B-Sơ lược về Chân Hậu(甄 后)

Chân thị hay Chân Hoàng Hậu, vợ Ngụy Văn Đế Tào Phi, không rõ tên, sinh năm Quang Hòa ngũ niên đời Hán Linh Đế, tức năm 182, mất năm 221, người Vô Cực Trung Sơn , (nay thuộc huyện Vô Cực tỉnh Hà Bắc), là con gái của Thượng Sái Lệnh là Chân Dật, mẹ là Trương thị.Theo kể lại, khi Trương thị lâm bồn, thấy một ông tiên vào trong phòng, lấy ngọc y đắp lên người bà, ít lâu sau sinh ra Chân thị.

Lúc Chân thị lên 3 tuổi thì cha qua đời, có viên thầy tướng là Lưu Lương xem tướng Chân thị nói : « Đứa con gái tướng quý không thể nói hết được ». Chân thị từ bé đến lớn, tính tình rất là điềm đạm trầm tĩnh.Lúc Chân thị lên tám tuổi, ngoài cửa có biểu diễn trò mã hí.Mọi người trong nhà cùng tất cả các chị em đều kéo nhau lên lầu để xem, duy có một mình Chân thị khhông đi. Mọi người đều lấy làm lạ hỏi, thì Chân thị trả lời :

-Trò đua đó, há lại để cho đàn phụ nữ coi hay sao ?

Lên chín tuổi, Chân thị học đọc, học viêt, nên mượn bút của người anh để dùng. Người anh mới hỏi :
-Em đàn bà nhi nữ thì nên học nữ công, chứ học chữ để làm gì ? Không lẽ để ra làm nữ quan hay sao ?
Chân thị đáp :
-Cổ xưa có bậc hiền giả nào không lấy những thất bại và thành công của tiền nhân để kiểm nghiệm mình,nếu không biết đọc sách thì làm sao mà biết được.
Bấy giờ, gặp lúc thiên hạ đại loạn,thêm liên tiếp nhiều năm mất mùa đói kém.Ai ai cũng đem kim ngân, châu bảo, báu vật để đổi lấy thức ăn.Chân thị bảo với mẹ :
-Lúc này loạn lạc, sao mẹ không đem ngọc ngà bảo vật ra bán đi.Giữ lại trong nhà sẽ mang họa đấy.Kẻ vô tội, nhưng đeo ngọc ngà mà trở thành có tội.Lại thêm hàng xóm họ hàng đều đói kém cả, chi bằng đem thóc ra mà phát chẩn cho họ, mà lấy chút ân huệ.

Cả nhà nghe Chân thị nói thế đều khen là hiền thục.Đến tuổi cập kê,Chân thị lấy con giai Viên Thiệu là Viên Hy.Viên Hy tuy thuộc loại quý công tử, nhưng chắc không phải là kẻ biết « thương hoa tiếc ngọc », nên Chân thị có tả một bài thơ thuộc loại « Khuê óan », kể cuộc sống buồn chán của mình, trong bài « Đường Thượng Hành ».
Bấy giờ Viên Thiệu chiếm cứ bốn châu là Ký, Tinh, U , Thanh, binh lực rất là hùng hậu, oai trấn tứ hải.Nhưng năm 200 CN, xẩy ra trận chiến Quan Độ, Viên Thiệu bị Tào Tháo đánh cho cho đại bại thê thảm.Sau Viên Thiệu bị xấu hổ, uất ức sinh bệnh mà chết.
Hai người con của Thiệu là Viên Thượng và Viên Đàm tranh quyền kế vị, đem binh đánh lẫn nhau, làm tiêu hao thế lực của Viên Thiệu còn lại.Tào Tháo thừa cơ tấn công Lê Dương.Viên Đàm, Viên Thượng chống đỡ không nổi, bỏ chậy đến Nghiệp Thành. Nhưng hai anh em nhà họ Viên « thế bất lưỡng lập », tìm đủ cách tiêu diệt lẫn nhau.Sau Viên Đàm phải chậy sang cầu cứu Tào Tháo. Cuối cùng Tháo tiêu diệt được tòan bộ lực lượng của Viên Thiệu.
Năm 204, Tào Phi mới có 18 tuổi, cũng theo cha đánh đông dẹp bắc.Sau khi phá vỡ được Nghiệp Thành, Tào Phi từng ái mộ tiếng Chân thị là người mỹ lệ, xông thẳng vào phủ của họ Viên.Rút kiếm.Nhẩy xuống ngựa đi tìm.Lúc tiến vào hậu đường, Tào Phi chỉ thấy một phụ nữ vào tuổi trung niên, ngồi khóc một mình ở đấy.Có một thiếu phụ cũng đang run rẩy sợ hãi ôm chân mà khóc.Người đàn bà trung niên ấy chính là vợ của Viên Thiệu, người họ Lưu.Còn người thiếu phụ là con dâu của Viên Thiệu, vợ Viên Hy, chính là Chân thị, bị Viên Hy bỏ lại khi vội vã đem đám tàn binh bại tướng chậy đến Liêu Tây.
Chân thị tuy mặt mũi đẫm lệ, son phấn nhạt nhòa nguệch ngoạc, nhưng trông vẫn xinh đẹp chẳng khác gì như "phù dung xuất thuỷ", « liên hoa đặm sương », dánh dấp e lệ hãi hùng, càng làm cho vẻ đẹp diễm kiều của Chân thị thêm não nuột.
Tào Phi không cầm nổi lòng đám đuối, bèn tiến lại gần, vén tay áo lau những hạt lệ đang lăn trên gò má của Chân thị.
Qủa nhiên, thấy Chân thị bậc tuyệt thế giai nhân, sắc diện như hoa đào, lóng lánh như hoa hạnh.Tào Phi vội vã tự xưng tên họ của mình, và bảo nàng cứ an lòng.

Vợ Viên Thiệu nghe nói là thế tử con của Tào Tháo, liền bào với Chân Thị vái chào.Chân thị e ấp thi lễ, khẽ đưa mắt kín đáo nhìn Tào Phi, thấy Tào Phi nghi biểu phong lưu anh tuấn, trong lòng cũng bớt lo lắng.Còn Tào Phi lúc đó cũng ngây người ra, lòng bàng hoàng mừng rỡ.
Chợt có tiếng người lao sao từ ngòai bước vào.Té ra Tào Tháo.Tào Tháo cũng từng nghe người ta nói đến sắc đẹp của Chân thi, nên hỏi ngay đến gia quyến thân thuộc của Viên Thiệu.Tào Phi bèn vào trong hậu đường dẫn Lưu thị và Chân thị ra.Tào Tháo nhìn thấy Chân thị qủa là « ngư trầm lạc nhạn, tuyệt thế giai nhân », trong lòng cũng cảm thấy rung động, bèn hỏi Lưu thị :
-Sao nhà chỉ có hai người thôi à ?
Lưu thị đáp :
- Các con thiếp đều đã bỏ chạy cả.Duy còn lại có người con dâu thứ hai này ở lại hầu hạ mà thôi.Nay nhờ thế tử gia ân bảo tòan, thật là vạn hạnh.
Tào Tháo nhìn sang bên cạnh thấy Tào Phi hai mắt cứ đăm dăm nhìn Chân Thị, trong lòng thầm hiểu Tào Phi muốn gì.
Tào Phi bèn vội vã thưa với Tào Tháo :
- Đời con chẳng mong gì khác, chỉ xin được người con gái này làm vợ, được như vậy là đủ mãn nguyện rồi.Xin cha nghĩ cái phận con chưa có gia đình mà thành tòan cho.
Tào Tháo không thể từ chối, miễn cưỡng đồng ý, liền nhờ mai mối hỏi Chân thị, vợ của Viên Hy, làm vợ cho Tào Phi,rồi chọn ngày lành tháng tốt làm lễ thành hôn.
Nhất quyết lấy bằng được một người đã có chồng để làm vợ chứ không phải làm thiếp, lại hơn mình năm tuổi, đủ cho thấy Tào Phi rất là ái mộ sắc đẹp của Chân thị.
Năm sau, Chân thị sinh ra Tào Duệ, tức Ngụy Minh Đế sau này.
Chân thị có thói quen kết tóc mỗi ngày một kiểu.Tương truyền rằng Chân thị mỗi buổi sáng đều theo tư thái của một con rắn lục để kết kiểu.Các kiểu tóc của Chân thị được người gọi là Linh Xà Kết 靈蛇髻.
Năm Kiến An nhị thập ngũ niên, tức năm 220, Tào Tháo qua đời.Tào Phi lên kế vị Ngụy Vương.Cùng năm, Tào Phi ép Hán Hiến Đế nhường ngôi cho mình, đọat ngôi nhà Hán, chính thức xưng đế, đặt tên nước là Ngụy, đô ở Lạc Dương, phong Chân Thị là Phu Nhân.
Trong hậu cung, Tào Phi có khá nhiều nội sủng.Trong đó phải kể đến Qúach thị là người được sủng ái nhất, lại là người nhiều mưu kế, giỏi nịnh nọt, Tào Phi có ý muốn phong làm Hòang Hậu, nhưng vì còn có Chân thị là vợ chính thức, nên không phong ngay.
Do Qúach thị dèm pha, Chân thị bị thất sủng và bị Tào Phi lưu ở Nghiệp Thành.
Được một năm sau khi lên ngôi, năm 221, lúc đó Chân thị sau nhiều năm dài làm vợ Tào Phi, cũng đã phấn nhạt hoa tàn, hương sắc không còn làm Tào Phi đắm đuối như buổi ban đầu nữa, thì Phi bắt đầu dở chứng « chán cơm mê phở », sủng ái Qúach thị, rồi nhân vì mấy câu thơ của Chân thị viết để hòai niệm phút « sơ kiến ban đầu lưu luyến ấy », khi Tào Phi gặp nàng, nay không còn nữa. Nàng tự ví mình bây giờ chỉ như chiếc quạt hoa, khi gió thu về, bị cất vào kho, không được xử dụng :

人生若只如初见，何事西风悲画扇？

Nhân sinh nhược chỉ sơ kiến, Hà sự tây phong bi họa phiến ?

(Cuộc đời nếu chỉ như gặp nhau lúc đầu, thì chiếc quạt hoa kia đâu phải chịu cảnh phũ phàng khi gió thu về ?)

Với lời thơ ví von thương cảm ấy, Chân thị bị Tào Phi gán cho tội là có lời óan trách, sai sứ giả đến « tứ tử 賜死 », tức ban ân cho cái chết, bắt ép nàng phải tự tử, đúng vào lúc Chân thị 39 tuổi.

Tương truyền rằng, khi chết Chân thị không có người lo táng liệm.Lại còn bị Tào Phi nhẫn tâm, nhỏ nhen ra lệnh không cho phép phủ mặt bằng gấm lụa như tập quán thời bấy giờ , mà chỉ cho phép phủ trên mặt nàng, bằng chính tóc của nàng. Và phải chôn úp sấp, cho không hưởng được áng dương Còn miệng thì nhét đầy cám bã, không dùng ngọc ngà châu báu như nghi thức chôn cất của các bậc quý phi vương hầu thời bấy giờ, vì sợ nàng tái hồi dương thế. Hòan tòan trái với những nghi thức trong lễ táng của người Trung Hoa thời đó, gọi là « phạn hàm 飯含 ».
Tình lang ơi ! Sao nỡ bạc với nhau đến thế làm gì !
Cái chết của Chân Hậun quả là một cái chết oan ức, đầy thảm khốc.
Đọa đầy chi bấy hóa công, « hồng nhan bạc mệnh » ,đến thế thì thôi.
Mãi đến năm 226, khi Tào Duệ lên ngôi, biết mẹ chết oan, mới phong Chân thị là « Văn Chiêu Hòang Hậu ».Sử sách thương nàng, thường gọi là Chân Hoàng Hậu, hay Chân Hậu.
Theo Bùi Tòng Chi chú thích sách « Tam Quốc Chí » của Trần Thọ có dẫn một đọan trong « Hán Tấn Xuân Thu » cho biết thêm chi tiết liên quan đết cái chết của Chân thị như sau :
"初，甄后之诛，由郭后之宠，及殡，命被髮覆面，以糠塞口，遂立郭后，使养明帝。帝知之，心常怀念，数泣问甄 后死状。郭后曰'先帝自杀(之)，何以责问我？且汝为人子，可追仇死父，为前母枉杀后母邪？'明帝怒，遂逼杀之，敕殡者使如甄后故事。*Sơ, Chân Hậu chi chu, do Qúach thị chi sủng, cập tẫn, mệnh bị phát phúc diện, dĩ khang tắc khẩu, tọai lập Qúach hậu, sừ dưỡng Minh Đế, Đế tri chi, tâm thường hòai niệm, số khấp Chân Hậu tử trạng.Qúach Hậu viết :'Tiên đế tự sát chi, hà dĩ trách vấn ngã, thả nhữ vi nhân tử, khả truy cừu tử phụ, vi tiền mẫu uổng sát hậu mẫu ' Minh đế nộ, tọai bức sát chi, sắc tẫn giả sử như Chân Hậu cố sự-* ***Lúc bấy giờ, việc Chân Hậu bị giết có liên quan đến việc Qúach Hậu được Tào Phi sủng hạnh, chừng lúc sắp đem vào áo quan, sai người để cho tóc phủ mặt, và lấy cám đổ đầy miệng Chân Hậu, sau đó lập Qúach thị làm Hòang Hậu và nuôi Tào Duệ.Tào Duệ biết chuyện, trong lòng thường hoài niệm thương nhớ Chân Hậu, nhiều lần khóc hỏi cái chết của mẹ mình.Qúach Hậu trả lời rằng : Giết bà ấy là tiên đế (tức Tào Phi), sao lại trách hỏi ta.Vả ngươi là con cái, lẽ nào lại thù hận cha mình đã chết rồi, và vì mẹ chết oan mà giết mẹ nuôi mình. ;Tào Duệ nổi giận ,sai người ép Qúach Hậu chết và sai người tẫn liệm y hệt như Chân Thị ngày trước.***

C-Sơ lược về Tào Thực (曹植)

Vợ trước của Tào Tháo là Lưu thị sinh ra người con trưởng là Tào Ngang, bị chết trong trận đánh ở Uyển Thành.Người vợ sau của Tào Tháo là Biện thị, sinh được bốn người con là Tào Phi, Tào Chương, Tào Thực, Tào Bưu .
Tào Thực (192-232) là một đại thi nhân nhà Ngụy thời Tam Quốc, tự là Tử Kiến, người Tiêu Huyện, bái Quốc(nay là Hào Châu tỉnh An Huy). Một thi nhân tài ba mà các nhà văn học đời sau từng khen, xếp và hạng « thượng đẳng » thời Ngụy, Tấn ; Nam Bắc triều.
Tào Thực bẩm sinh thiên phú có trí nhớ dai, đọc sách nhiều, từ nhỏ Tào Thực đã tỏ ra thông minh xuất sắc hơn người. Mười tuổi . Thực đã thuộc lầu hơn mười vạn lời từ phú, và thơ văn. Xuất ngôn thành luận, hạ bút thành chương, khiến Tào Tháo rất lấy làm kinh ngạc mới hỏi Tào Thực :
-Ngươi nhờ người khác làm hộ phải không ?
Tào Thực đáp :
-Xin cha cho con thử ngay trước mặt.Con nói ra là thành luận, hạ bút là thành văn.Việc gì con phải nhờ ai làm.

Lịch sử Trung Quốc kể lại rằng năm Kiến An thập ngũ niên, tức năm 210, Tào Tháo cất Đồng Tước Đài, lúc đó Tào Thực 19 tuổi, được Tháo bảo làm bài phú « Đồng Tước Đài Phú » để ca tụng vẻ đẹp của đài này.Bài phú rất được Tào Tháo tán thưởng và khen ngợi, nên phong cho Tào Thực làm Bình Nguyên Hầu, đồng thời còn khuyến khích Tào Thực, nói :

-Trước kia ta còn là một viên lệnh dõan, đồn binh, cũng chỉ mới hai mươi tuổi, nhớ lại những việc làm hồi ấy, thì không lấy gì làm thẹn, nay con cũng đã trưởng thành, lẽ nào lại không cố gắng lên.

Trong thâm tâm Tào Tháo còn tin rằng trong số các người con, Tào Thực là người có thể « định đại sự ».

Bỏ trưởng lập thứ, thường là cái mầm tranh đọat ngôi báu trong nhiều triều đại ở Trung Quốc.

Tào Tháo được tiến tước Vương vào năm Kiến An nhị thập nhất niên, tức năm 216 ; lúc đó thì con trưởng của Tào Tháo là Tào Ngang bị chết trong trận đi đánh Trương Tú rồi.

Người con thứ ba là Tào Chương là một người võ biền, chỉ có nguyện vọng làm tướng cầm quân nơi chiến trường. Tháo vốn yêu mến người con út là Tào Xung nhưng đã yểu tử. Việc tranh ngôi báu, còn lại chỉ có thứ tử là Tào Phi và người con thứ ba là Tào Thực.

Nhưng năm Kiến An nhị thập tứ niên, tức năm 219, lúc đó Tào Phi đã được phong làm Thế Tử, nhưng trong lòng vẫn chưa yên, vì Tào Tháo vẫn còn để tâm thương Tào Thực, phong cho Thực làm Nam Trung Tướng Quân, Hành Chinh Lỗ Tướng Quân, cùng với lão tương Từ Hỏang cầm quân đi giải cứu cho Tào Nhân đang bị Quan Vũ vây khốn. Trong tính tóan của Tào Tháo, Tào Thực sẽ thắng lợi đến quá phân nửa, trong trận này sẽ lập được quân công .

Tào Phi thấy vậy, bèn ra tay trước, Phi từ Nghiệp Thành trở về Hứa Xương, mời Tào Thực uống rượu, đàm đạo tinh huynh đệ. Uống rượu cho đến lúc Tào Thực say túy lúy, bất tỉ nh nhân sự, không còn thụ mệnh cầm quân nổi nữa.

Tào Tháo thấy Tào Thực như vậy, làm mất niềm hy vọng của mình, bèn rút lệnh không phái Thực đi nữa.

Đến lúc Tào Tháo lâm chung, không gọi các cố mệnh đại thần đến bên giường, cũng không gọi Tào Phi, và cũng không gọi Tào Thực, mà chỉ gọi Tào Chương đến. Sau này Tào Chương gặp Tào Thực, có cho Tào Thực biết : « Phụ thân gọi em đến, nói là muốn nhường ngôi báu cho anh »

Nhưng ngôi Thế Tử đã vào tay Tào Phi rồi.

Sự thù ghét , đố kỵ , ý muốn bách hại Tào Thực đối với Tào Phi là do việc tranh dành quyền lực và ngôi bấu mà ra.

Ngòai ra ; còn một nguyên nhân nữa giữ phần quan trọng, chính là mối u tình sâu đậm của Tào Thực đối với Chân thị , vợ của Tào Phi.

Theo « Chiêu Minh Văn Tuyển-Quyển 19 » của Tiêu Thống cùng một số văn nhân biên soạn vào thời nhà Lương đời Nam Triều, thì Tào Thực cũng đã từng muốn lấy Chân thị làm vợ, nhưng Chân thị đã bị Tào Phi phỗng tay trên mất, khiến cho Tào Thực hết sức bất bình, đêm ngày tơ tưởng. Bỏ ăn quên ngủ.

Nguyên văn chữ Hán trong « Chiêu Minh Văn Tuyển » :

魏東阿王，漢末求甄逸女，既不遂。太祖回與五官中郎將，植殊不平晝思夜想，廢寢與食

Ngụy Đông A Vương, Hán mạt cầu Chân Dật nữ, ký bất tọai.Thái Tổ hồi dữ Ngũ Quan Trung Lang Tướng, Thực thù bất bình, chú tư dạ tưởng, phế tẩm dữ thực ***–Đông A Vương nhà Ngụy, cuối thời nhà Hán, muốn lấy người con gái của Chân Dật, nhưng lúc trở về, Ngụy Thái Tổ Tào Tháo đã gả cho Trung Lang Tương. Tào Thực rất bất bình, đêm ngày tưởng nhớ Chân thị, bỏ cả ăn uống***)

Đến khi Tào Phi phế Hán Đế lên ngôi, Tào Thực liền bị Tào Phi giáng làm An Hương Hầu, và nhiều lần, Tào Phi có ý muốn giết Tào Thực, nhưng nhờ sự ngăn cản của người mẹ là Biện Thị, Tào Thực được thóat chết.
Theo truyền thuyết, Biện Thái Hậu, tức mẹ của Tào Phi và Tào Thực, từng có lần nói với Tào Phi rằng :
-Ngươi đã từng giết con ta là Nhậm Thành Vương,(*tức Tào Chương*), nay lại muốn giết nốt Trần Lưu Vương, như vậy ta chẳng còn muốn sống nữa.
Đến khi Ngụy Minh Đế Tào Duệ, con của Tào Phi và Chân Hậu, lên nắm quyền bính, cũng có lúc mời người chú về triều.Tào Thực cũng từng khởi thảo những kiến nghị chính trị tốt đẹp, nhưng Ngụy Minh Đế Tào Duệ bị các triều thần ngăn cản, và bị nghi kỵ. Do đó, trong suốt thời kỳ Tào Duệ ở ngôi, đến cuối đời Tào Thực vẫn là người ôm chí lớn mà bất đắc chí.
Cuối cùng, năm 232, Tào Thực bị khốn quẫn u uất, buồn rầu mà chết.
Nay tại phía nam cách 20 dặm huyện Đông A tỉnh Sơn Đông còn có ngôi mộ của Tào Thực.
Tào Thực cũng chính là người sớm nhất cảnh cáo sự chuyên quyền của họ Tư Mã.
Tào Thực từng rất lấy làm lo ngại việc quyền lực của Tào Duệ bị rơi vào tay người khác, nên Thực từng dâng biểu cáo giới Tào Duệ.
Nhưng Tào Duệ lại đang dựa vào tài năng của Tư Mã Ý để chống cự lại cuộc bắc phạt của nhà Thục Hán, không để ý đến lời khuyên của người chú.
Sau khi Gia Cát Lượng qua đời, mối uy hiếp của nhà Thục Hán không còn nữa, Tào Duệ bắt đầu đam mê thanh sắc, săn bắn, không chịu chỉnh đốn những cơ cấu quyền lực ở trong triều.Dẫu rằng trước khi băng hà, Ngụy Minh Đế Tào Duệ từng lựa chọn và phó thác Tào Sảng, một người trong tông thất, nhưng là người không có kinh nghiệm thực tế về chính trị.Và một người nữa là quyền thần Tư Mã Ý, kẻ đã nắm quyền hành quân sự lâu đời.Nên đến khi Tư Mã Ý muốn chiếm đọat thiên hạ của họ Tào, thì họ Tào đã mất hết lực lượng để chi trì xã tắc. Trở tay không kịp.
Còn về mặt văn học,Tào Thực là một đại thi nhân đời Hán. Tạ Linh Vận, văn học gia người nhà Tống thời Nam Triều, từng có lời nói ca tụng ,và đo lường tài năng của Tào Thực bằng câu nói, trở thành thiên cổ danh ngôn, lưu truyền đến ngày nay:
« Thiên hạ tài hữu nhất thạch, Tào Tử Kiến độc chiếm bát đấu, ngã đắc nhất đấu, thiên hạ cộng phân nhất đấu天 下 才 有 一 石，曹子 建（植）獨 佔 八 斗，我 得一斗，天 下 共 分一斗-***Tài trong thiên hạ có một thạch, Tào Tử Kiến một mình chiếm tám đấu, ta chiếm một đấu, còn một đấu chia cho thiên hạ*** (một thạch bằng mười đấu, hay 100 thưng».
Những tác phẩm dưới đây được coi là chủ yếu của Tào Thực :
-Tặng Bạch Mã Vương Bưu 贈 白 马 王 彪,
-Bạch Mã Thiên白马篇,
-Danh Đô Thiên名 都 篇,
-Mỹ Nữ Thiên美 女 篇,
-Thất Ai七 哀,
-Lạc Thần Phú洛 神 赋,
-Thất Bộ Thi七 步 诗
Chung Vanh, trong « Thi Phẩm » có lời nhận xét về từ phú của Tào Thực như sau : « 植 詞 采華 茂，骨氣奇高。建安 詩 人 無 出 其 右 也**-Thực từ thái hoa mậu, Kiến An thi nhân vô xuất kỳ hữu dã-** *Những bài của Tào Thực có vẻ đẹp rực rỡ như hoa nở, khí cốt lạ lùng cao sang, những thi nhân thời kỳ Kiến An chẳng ai có thể bằng được* **».**
Tào Thực chẳng những được mệnh danh là « tài cao bát đẩu », chiếm hết một nửa sở học trong thiên hạ như lời Tạ Linh Vận khen tặng. Và qua bài phú « Lạc Thần Phú »,

ông đã để lại cho văn học sử Trung Quốc một bài phú, làm say mê người đọc, ảnh hưởng đến một số văn nghệ sĩ đời sau. Họ đã căn cứ vào mối u tình lãng mạng bi thống giữa ông với người chị dâu mà viết nên những kiệt tác khác như :
- Cố Khải Chi vẽ « Lạc Thần Phú Đồ » được vinh dự khen tặng là « Trung Quốc Thập Đại Truyền Thế Danh Họa Chi Nhất ».
-Lý Thương Ẩn viêt « Vô đề », trong bài Vô Đề, thứ hai.
-Bồ Tùng Linh viết « Chân Hậu ».
Riêng tôi còn nhớ, cách đây gần 15 năm, ngồi dịch Chân Hậu trong Liêu Trai Chí Dị của Bồ Tùng Linh, cũng từng ngậm ngùi thương cảm cho người bạc mệnh, lòng cũng muốn bắt chước cổ nhân « mượn chùm phương thảo mà hú vía thuyền quyên ».
Tất nhiên, nhan sắc Chân thị, phải thuộc hạng phi thường, đắm nguyệt say hoa, nên chẳng những cả ba cha con Tào Tháo đều muốn chiếm hữu nàng cho riêng mình, mà Lưu Trinh, một danh sĩ trong « Kiến An Thất Tử », chỉ vì muốn chiêm ngưỡng nhan sắc của Chân thị, đến nỗi bị Tào Tháo bắt tội, đầy đi mài đá nặn gạch.
Có người cho rằng Bồ Tùng Linh có lẽ cũng đồng ý là mối u tình của Tào Thực đối với Chân Thị là có thật, nên khi ông hư cấu chuyện « Chân Hậu », ông đã để cho Chân Hậu gặp lại Lưu Trinh ở cõi u minh, cho Chân Hậu có dịp báo đền Lưu Trinh, kiếp trước vì nàng mà bị tội oan.
Truyện « Chân Hậu », trong « Liêu Trai Chí Dị » của Bồ Tùng Linh, có một đoạn như thế này :
« *Lưu Trọng Khanh, người đất Lạc Thành, thuở nhỏ tư chất chậm chạp, không được thông minh, lanh lợi, nhưng lại mê say sách vở, điển tịch, thường đóng cửa ở trong nhà một mình để cố công khổ học, không thích tiếp xúc với người ngòai.*
Một hôm, Lưu vừa cầm sách lên đọc, chợt ngửi có mùi hương thơm ngào ngạt, lan tỏa đầy nhà. Rồi có tiếng vàng, tiếng ngọc va chạm vào nhau, âm thanh lảng xảng.
Lưu giật mình, ngừng đầu lên nhìn, thì thấy một người đàn bà đẹp từ ngòai cửa bước vào. Đầu cài trâm bạc. Tai đeo xuyến vàng. Sáng lòa cả mắt.
Đám tùy tùng, đầy tớ, hết thảy đều là cung nữ.
Lưu sợ hãi, vội vã phủ phục xuống đất, vái lậy.
Mỹ nhân đến đỡ Lưu dậy, rồi nói :
-Khanh kiếp xưa khinh bạc ngổ ngáo, sao bây giờ lại khiêm cung như vậy ?
Lưu nghe trách lại càng sợ, đáp :
-Thần chưa hề biết chốn Thiên Tiên, chưa từng được bái kiến Nương nương, không biết đã đắc tội với tôn giá lúc nao ?
Mỹ nhân lại cười, bảo Lưu :
-Tương biệt chưa là bao, sao khanh chóng quên quá vậy. Kẻ bị phạt tội phải đi đầy mài đá nặn gạch, không phải là khanh đó sao ?
Sau đó đem chiếu gấm ra trải, đem rượu ngon ra bầy, ép Lưu cùng ngồi đối ẩm, bàn luận cổ kim rất là thâm thúy trôi chảy. Lưu chẳng tìm ra được câu nào để đối lại.
Mỹ nhân lại bảo với Lưu :
-Thiếp đi phó yến Dao Trì. Từ nay chàng sẽ trở thành thông minh uyên bác vô cùng.
Nói xong, sai cung nữ đem thủy phẩm, thang ốc, dâng lên cho Lưu uống. Chàng uống một hơi cạn sạch, cảm thấy tâm thần sảng khóai, trong sáng lạ thường.
Bấy giờ nắng chiều đã tắt và màn đêm bao phủ. Đám cung nữ, người hầu, đều tản mát đi hết, không còn ai.
Mỹ nhân bèn tắt đèn, cởi bỏ xiêm y, yếm lót, lên giường cùng Lưu chăn gối, ân ái mây mưa vô cùng hoan lạc.
Khi trời gần sáng, đám cung nữ lại tề tập tụ họp nhau đến.
Mỹ nhân thức dậy, trang điểm dung nhan, vấn tóc, cài trâm, xiêm áo chỉnh tề, lộng lẫy như cũ.Nhưng lặng thinh không hề nhắc gì đến chuyện ân ái đêm qua.

Lưu cố sức nài nỉ xin nàng cho biết tính danh.
Mỹ nhân đáp :
-Nói cho chàng biết cũng chẳng ngại gì.Chỉ sợ biết rồi chàng thêm nghi ngờ lo lắng.Thiếp đây chính là Chân Hoàng Hậu, vợ Ngụy Văn Đế Tào Phi. Còn chàng là hậu thân của Lưu Trinh, kiếp xưa vì thiếp, mà bị tội oan uổng, thiếp không đành lòng, hôm nay gặp lại chàng, cốt để đền bù mối tình si ngày trước.
Lưu hỏi :
-Còn Ngụy Văn Đế bây giờ ở đâu ?
Mỹ nhân đáp :
-Phi ấy hở ! Bất quá cũng thuộc phường « Phụ tặc chi dong tử **父賊之傭子**, *cha làm giặc thì con làm mướn » . Thiếp ngẫu nhiên tòng du với bọn vương hầu phú quý đó, vui chơi vài năm qua rồi, chẳng còn để bụng nhớ tới nữa. Ông ta bị giam ở chốn u minh từ lâu, bây giờ thiếp không biết rõ. Duy có Trần Tư Vương Tào Thực, thỉnh thỏang thiếp có gặp.*
Lúc nàng quay lại, đã thấy kiệu rồng đến đón, đậu ở ngòai sân .
Nàng lấy ra một hộp nhẫn ngọc tặng cho Lưu, rồi bái biệt lên xe ra về.
Lưu từ đó học hành tiến bộ gấp bội, nhưng thường tưởng nhớ đến Chân Hậu, tinh thần như si, như dại.
……..
Ngưng trích
(Bản dịch của Phạm Xuân Hy-Năm 1988)

Việc Tào Thực viết Lạc Thần Phú để mô tả mối u tình, niềm tương tư, của ông đối Chân thị có thật hay không, đến nay các nhà nghiên cứu văn học sử Trung Quốc vẫn còn để đó tồn nghi.
Tôi viết bài này để tạ cái tình tri kỷ thiếu thời của ông bạn họ Đỗ, và nhằm mua vui cho bằng hữu, nhân chợt cảm thấy cái lạnh của gió thu về, kim phong hiu hắt, lá vàng rơi , tóc bạc rơi, « Lăng Bộ Vi Bộ » ít hàng cho khuây khỏa tuổi già, lúc chiều tàn cô quạnh.

Phạm Xuân Hy-Paris ngày 15-10-2012

Chú Thích **:**

Tẩu Hỏa Nhật Ma
走火入魔

Tẩu Hỏa , nguyên dùng để chỉ lúc tôi luyện ngọai đan, không đúng cách, tạo ra hiện tượng lò luyện nóng quá độ mà vỡ. Đạo Giáo chỉ việc tu luyện tinh thần nguyên khí, lệch lạc không đúng phép, vội vã mong muốn tới mục đích , khiến cho xảy ra tình trạng nội khí tán loạn, hư hỏa thượng thăng thiêu đốt ở trên .
Nhập ma chỉ việc luyện công sai lệch, không đúng phương pháp, tinh thần bị rơi vào cảnh giới ma ảo, nhận giả thành chân, không thể tự chủ động, thường biểu hiện trạnh thái tâm bệnh;

Đại Lý
大理

Năm Thiên Phúc nhị niên nhà hậu Tấn thời Ngũ Đại (907-960), tức năm 937, Đòan Tư Bình, thuộc bộ lạc Bạch Tộc, tiêu diệt nước Nam Chiếu thành lập ra nước Đại Ly Quốc.

Theo sử sách ,thì tổ tiên người Bạch Tộc đã sinh sống phát triển ở vùng này với nhiều bộ lạc khác, sử gọi chung những bộ lạc này là « Côn Minh Chi Thuộc ».
-Năm 221 t CN, nhà Tần bắt đầu chiếm vùng tây nam, thành lập các cơ cấu hành chánh để thống trị vùng này.
-Năm109 t CN, nhà Tây hán , vua Hán Võ Đế đem quân đánh bại các bộ lạc « Côn Minh Chi Thuộc », và tại khu vực Đại Lý lập ra Diệp Du Huyện, mở con đường tơ lụa về hướng nam, và dùng nơi đây như một trạm vận chuyển tơ lụa từ Tứ Xuyến đêsn Ấn Độ.
-Đến thời Tam Quốc(220-280), vùng Vân Nam, Quý Châu, và tây nam bộ Tứ Xuyên được gọi là Nam Trung, do nhà Thục hán cai trị.
Về sau, có sự nổi dậy của Mạnh Hoạch chống lại sự cai trị của nhà Thục Hán (221-263), Lưu Bị phái Gia Cát Lượng đem quân bình phục, và đặt thành quận Vân Nam ở đấy.
-Năm Khai Hòang thập thất niên đời Tùy (581-618), tức năm 597, người « Côn Minh » nổi dậy, nhà Tuùy phái Sử Vạn Tuế đem quân bình định.
Đến nhà Đường (618-907) lập ra Nhung Châu Đô Hộ Phủ, các huyện thuộc khu vực Đại Lý đều thuộc quyền quản hạt của Nhung Châu Đô Hộ Phủ.
Đến thế kỷ thứ bẩy, chung quanh sông Nhị Hải xuất hiện sáu bộ lạc, gọi là lục Chiếu, là Mông Thôi(Ttần Tọng Kim viết là Mông Huề) Việt Tích, Lương Khung, Đặng Đạm ,Thi Lương và Mông Xá .
Xá Chiếu ở phía nam nên gọi là Nam Chiếu.
Đến thế kỷ thứ 8, Lục Chiếu được Đường Huyền Tông chi trì Bì La Cáp 皮逻閣 hợp với năm Chiếu kia thành lập chính quyền Nam Chiếu, nhưng sau mâu thuẫn với nhà Đường xảy ra cuộc chiến đại quy mô gọi là « Thiên bảo Chiến Tranh »,vào năm 749 và 754. Nam Chiếu cũng nhiều lần đem quân sang quấy nhiễu Giao Châu.Và theo sử gia Trần Trọng Kim, thì năm nhâm ngọ, tứcc năm 862, và tháng giêng năm quý mùi, tức năm 863, Nam Chiếu đem 50 000 quân sang đánh phủ thành, và trong hai lần Nam Chiếu đã sát hại 15 vạn người dân Giao Châu.(một con số quá lớn đối với dân số nước ta thời bấy giờ, không thấy sử gia Trần Trọng Kim dẫn xuất xứ, nhưng trong sử Trung Hoa thường phóng đại tô mầu con số địch nhân bị giết)
Đến cuối hậu kỳ Nam Chiếu, trong cung đình xảy ra hỗn loạn, chi ly phân tán, cuối cùng nước Nam Chiếu bị diệt vong .
-Năm 937, Điền Tư Bình là Thông Hải Tiết Độ Sứ , liên hợp với 37 bộ lạc Điền Đông tiến quân vào thành Đại Lý và lập ra chính quyền Đại Lý Quốc , đóng đô ở Dương Tư Dương Thành, hạt cảnh ngày nay bao gồm tòan tỉnh Vân Nam, tây nam bộ Tứ Xuyên, chia ra làm tám phủ, bốn quận, , 37 bộ.
Về kinh tế, nông nghiệp, chăn nuôi, thủ công nghiệp, và luyện thép rất phát đạt, tiếp xúc và trao đổi mậu dịch với người Tầu, chủ yếu là ngựa.Đại Lý Quốc có giống ngựa nổi tiếng là Đại Lý Mã 大 理 馬 , một ngày có thể chạy 400 dặm. Ngòai ra có Đại Lý Đao大 理 刀, một loại đao sắc bén, rất nổi tiếng. Trong nước xử dụng Hán văn, và tôn sùng đạo Phật.
Năm Thiệu Thánh nguyên niên đời vua Tống Chiết Tông, tức năm 1094, vua đời thứ 14 của Đại Lý là Đòan Chính Minh bỏ ngôi đi tu, dân lập Cao Khai Thái lên làm vua, đổi quốc hiệu là Đại Trung Quốc.
-Đến năm 1096, con Cao Khai Thái là Cao Thái Minh phụng mệnh cha hòan ngôi cho Đòan Chính Thuần, và Đại Lý Quốc được gọi là Hậu Đại Lý.Năm 1108, Đòan Chính Thuần bỏ ngôi đi tu, nhường ngôi cho con là Đòan Chính Nghiêm, tức Đòan Dự.
Đòan Dự, là ông vua thứ 16 của nước Đại Lý, tức Hiến Tông Tuyên Nhân Đế, là ông vua ở ngôi lâu nhất, sau ông cũng bỏ đi tu và nhường ngôi cho con là Đòan Chính Hưng.
-Đòanh Chính Hưng là ông vua đời thứ 17 của Đại Lý,ở ngôi được 24 năm (1147-1172) thì bỏ đi tu, nhường ngôi cho con là Đòan trí Hưng .
-Đòan trí Hưng ở ngôi vua từ năm 1172 đến năm1200 làm vua được 28 năm rồi bỏ đi tu hiệu là Nhất Đăng Đại Sư ,ông là người rất tôn sùng đạo Phật , sớm tối kinh kệ, không lo đến việc triều chính, xây hơn sáu chục ngôi chùa, quốc phí tiêu hao, khiến cho đất nước dần bị suy vi, sau nhường ngôi cho con là Đòan Trí Liêm.
-Đòan Trí Liêm ở ngôi từ 1201 đến 1205 thì chết, nhường ngôi cho con là Đòan Trí Tường.
-Năm 1253, Hốt Tất Liệt mang quân từ cao nguyên Thanh Tạng xuống miền nam đánh chiếm Hậu Đại Lý. Đòan Trí Tường bị bắt .
Nước Đại Lý bị diệt vong. Con cháu được người Mông Cổ cho trở về thế tập họ Đòan làm Tổng Quản.
Nước Đại Lý truyền được 22 đời vua, tổng cộng 316 năm , có 7 ông vua bỏ ngôi đi tu..
Có người đã nhận định rằng, họ Đòan lấy đạo Nho để trị nước, dùng đạo Phật để thu phục nhân tâm. Cũng là một điều hay.Nhưng cuối cùng nước Đại Lý bị Hốt Tất Liệt dùng bạo lực và sức mạnh tiêu diệt.
Nước Đại Lý bị diệt vong đến nay đã gần ngàn năm rồi, chắc hẳn người dân Đại Lý vẫn còn có người thương nhớ nước cũ, buông ra những lời than thống thiết, đứt ruột gan, như tiếng quốc kêu đêm hè :

Nhớ nước đau lòng con quốc quốc

Thương nhà mỏi miệng cái gia gia

Văn Tuyền

Tức nhà văn Phạm Cao Củng, là nhà văn lão thành từ thời tiền chiến, ông là tác giả của nhiều tác phẩm trinh thám, Bóng Người Ái Tím Kỳ Phát, Vết Tay Trên Trần, Kỳ Phát Giết Người, Nhà Sư Thọt, Người, Người Một Mắt, Đám Cưới Kỳ Phát, Vết Tay Trên Trần, được nhà Văn Vũ Ngọc Phan khen ngợi trong Nhà văn Hiện Đại là các nhânh vật và khung cảnh do ông sáng tạo đều có tính chất Việt nam, hợp với trình độ người Việt Nam ta thời đó.

Nhưng riêng với tôi, và có lẽ cả thế hệ ở tuổi từ 70-75, vẫn còn nhớ, và chưa quên được những truyện kiếm hiệp như Lục Kiếm Đồng, Chu Long Kiếm, Nhỡn Kiếm Đạo dưới bút danh Văn Tuyền, không thua kém gì những truyện kiếm hiệp của các nhà văn Trung Hoa.Những tác phẩm của Phạm Cao Củng cũng đã làm say mê từng để lại trong tuổi thơ ấu của thế hện biết bao nhiêu là mơ mộng, hàng chuỗi những kỷ niệm đẹp , đến nay tôi vẫn còn giữ được.

Ấy là chưa kể thế hệ của Bé Ngôn Bé Luận ở Sài Gon sau 1954.

Số tác phẩm của Phạm Cao Củng có người cho biết có thể lên ngang ngửa với số lượng tác phẩm của Lê Văn Trương.

Tiếc thay, là sau này, ở trong nam, cũng như ngoài bắc, ông rất ít được các nhà phê bình văn học nhắc đến, vì thể loại tiểu thuyết trinh thám, cũng như kiếm hiệp, bị coi là « văn chương » cấp thấp. Ngòai ra ông có nhiều bút hiệu khác như Văn Tuyền, Phượng Trì, Trần Lang, Phạm Thị Cả Mốc .

Phạm Cao Củng sinh năm 1913, cha ông là cụ Tú Kép Phạm Cao Đạt, em của bà Phạm Thị Mẫn, vợ nhà thơ Trần Tế Xương (tức Tú Xương).

Ông qua đời ngày17-12 -2012 tại Florida, thọ 100 tuổi, sau khi đã xuất bản cuốn hồi ký Phạm Cao Củng.

Phạn Hàm

飯 含

“Phạn hạm” là một trong những nghi thức về tang lễ cổ xưa của người Trung Hoa. Ngừoi ta bỏ vào miệng người chết châu, báu, ngọc ngà và tiền bạc cùng những loại ngũ cốc, và tùy theo địa vị thân phận của người chết.

“Phạn飯” có nghĩa cho bỏ ngũ cốc vào miệng người chết ăn.

“Hàm含” có nghĩa là bỏ châu, bảo, ngọc ngà vào miệng người chết cho kín.

Những vật này khác biệt tùy theo địa vị, thân phận của người chết

- “Phạn飯” đối với bậc Quân chủ khi chết thì dùng “lương”, tức một loại gạo quý.Đối với Đại phu thì dùng “tắc”, tức hạt kê. Đối với sĩ thì dùng gạo ré.

-“Hàm含” đối với Thiên Tử thì dùng châu báu. Chư hầu thì dùng ngọc.Đại phu thì dung loại ngọc cơ, một loại ngọc xấu, không tròn.

Sĩ thì dùng “bối”, tức loại tiền hến.Thứ nhân thì dùng ngũ cốc.

Phong tục này cũng biến hóa theo thời gian.

Nhưng chính vì phong tục này, mà sinh ra những kẻ đạo tặc thường đi đào mả người chết để kiếm châu báu ngọc ngà, làm thương tổn đến lòng hiếu thảo của con cái người chết.. Có cả các bậc tham quan ô lại nữa.

Chân thị là bậc phu nhân, lý ra được hưởng nghi thức tang lễ quý trọng hơn, nhưng Tao Phi là người thiếu nhân tình, nên nhét “cám” vào miệng nàng.

Ngày nay, cũng thường có câu nói “cho nó ăn cám”, để chỉ người nhà nghèo không có gạo ăn, nhưng cũng là một cau nói xỉ nhục.

Tiêu Thống

蕭 統

Tiêu Thống (501-531), là văn học gia nhà Lương, thời Nam Triều, tự là Đức Thi, tiểu tự là Duy Ma, người Nam Lan Lăng, con trưởng của Lương Võ Đế Tiêu Diễn, sinh năm Trung Hưng nguyên niên, đời Hòa Đế nhà Nam Tề mất năm Trug Đại Thông tam niên, đời vua Lương Võ Đế Tiêu Diễn, chung niên 31 tuổi.

Năm Nguyên Gíam nguyên niên,tức năm 502, Tiêu Thống được lập làm Thái Tử.Từ nhỏ thông minh sáng suốt.Ba tuổi được dậy Hiếu Kinh Luận Ngữ.Năm tuổi đã đọc hết nho gia kinh điển. Sách chỉ đọc xong là nhớ.Tiêu Thống lại là người thông hiểu sự việc.Đối với các tấu chương của bách quan, có chỗ nào sai, hay cố ý mầu mè, đều được Tiêu Thống biện luận sửa chữa.Tiêu Thống tính tình khoan hòa, nên thu hút được những kẻ sĩ có tài, bàn luận về học vấn, trứ thuật văn chương, thu thập sách vở cổ kim gần ba vạn quyển.
Lúc xét sử án ngục, Thống đa phần rộng rãi tha thứ, được thiên hạ khen ngợi là nhân từ.Mỗi khi kinh sư gặp cảnh mưa gió lụt lạo, gạo nước đắt đỏ, Thống phái người tâm phúc, đi khắp ngõ hẻm hang cùng thấy nhà nào nghèo khổ, hoặc bị lưu ly thất thổ, thì kín đáo ban phát tiền bạc.
Tiêu Thống còn lập Văn Tuyển Lâu để đón mời những danh sĩ như Lưu Hiếu Oai, Dữu Kiên Ngô đến thảo luận về sách vở cổ, mệnh danh là "Cao Tề Thập Học Sĩ", rồi cùng họ tuyển chọn những tác phẩm thi văn tiêu biểu từ thời Tần Hán đến nhà Lương tập hợp thành sách "Văn Tuyển", gồm 30 chuc quyển, một tổng hợp văn học sơm nhất trong lịch văn học Trung Quốc; có một ảnh hưởng lớn đối với việc sáng tác sau này.
Ngòai ra, Tiêu Thống còn có văn tập gồm hai chục quyển, những đều mất. Nay còn lưu hành "Chiêu Minh Thái Tập", là do người sau thu góp thành.
Năm 531 Tiêu THống bị bệnh qua đời, thụy hiệu là "Chiêu Minh Thái Tử".

Chiêu Minh Văn Tuyển
昭 明 文 選

Chiêu Minh Văn Tuyển là một bộ tuyển tập văn học đàu tiên của trung Quốc có mọi thể tài, do Thái Tử Tiêu Thống, con vua Lương Võ Đế thời Nam Triều, tại phủ Đông Cung đã sưu tập gần ba vạn cuốn sách, rồi đón mời đa số là các nhà văn học gia trứ danh đương thời đến để cùng nhau biên soạn thành « Chiêu Minh Văn Tuyển », gọi tắt là « Văn Tuyển », tổng cộng gồm ba chục quển.Từ nhà Tần đến trước nhà LươnG
Tiêu Thống đem những tác phẩm văn học phân chia ra từng môn, từng loại. Ông chọn lựa kỹ càng những tác giả thành công nhất, và những bài văn có tính đại biểu nhất, để cho những độc giả ít có thời gian có thể thưởng thức được cái tinh hoa của những tác phẩm hay.
Chiêu Minh Văn Tuyển có ảnh hưởng lớn đối với hậu thế, nên mới có câu nói « Văn Tuyển lan tú tài bán « 文选》烂爛，秀才半 » -Thuộc lầu Văn Tuyển thí coi như đã đậu nửa bằng tú tài ».
Sau khi Văn Tuyển ra đời, được khắp mọi nơi nhiệt liệt hoan nghênh ; sau đó có các học giả ở các triều đại sau làm chú thích thêm về Văn Tuyển. Như Lý Thiện làm chú thích vào năm Hiển Khánh đời Đường,

Hoang Giang Nữ Hiệp
荒 江 女 俠

Tôi đọc bản dịch lúc hồi còn nhỏ có tên là « Hòang Giang Nữ Hiệp ». Sau này có dịp tra cứu tôi mới biết tên đúng là "Hoang Giang Nữ Hiệp 荒 江 女 俠", của tác giả Cố Minh Đạo, đăng trên tờ Tân Văn Báo ở Trung Quốc năm 1929, ", rất được độc giả hoan nghênh.
và "Vua truyện chưởng" là "*Kim Dung, lúc lên tám tuổi, tức năm 1932, lần đầu đọc tiểu thuyết võ hiệp, khi đọc đến bộ truyện Hoang Giang nữ hiệp của Cố Minh Đạo, cảm thấy rất say mê, từ đó thường sưu tầm tiểu thuyết thể loại này* ». Lớn lên, trở thành « vua truyện chưởng ».

Lý Thiện
李 善

Lý Thiện (ước 630-689) là học giả đời Đường, người Giang Đô (nay thuộc Dương Châu, tỉnh Giang Tô). Cha của Lý Ung, theo học với Tào Hiến.
Đời Đường Cao Tông, Lý Thiện từng trải qua các chức Thái Tử Nội Xuất Phủ Lục Sự Tham Quân, Sùng Hiền Quán Trực Học Sĩ kiêm Bái Vương Thị Độc, Bí Thư Lang, Kinh Thành Lệnh. Năm Hàm Hanh nhị niên, tức năm 671, cháu của Võ Hậu là Hạ Lan Mẫn, nhân có tội bị đầy đến Lôi Châu, Lý Thiện vì quan hệ mật thiết với Hạ Lan Mẫn nên bị liên hệ và bị đầy đến Diêu Châu. Sau được xá trở về nhà, ngụ cư ở vùng Biện , Trịnh, lấy việc giảng dậy « Văn Tuyển » làm nghề, các hộc trò của Lý Thiện phần đông là người từ xa đến.
Lý Thiện là người học thức uyên bác, nhưng không sành về việv viết văn chương, nên người đồi gọi ông là « Lộc Thư », tức cái dương bằng tre dung để tàng trữ sách vở. Sau nhiều lần thay đổi bản thảo, vào năm Hiển Khánh tam niên tức năm 658, Lý Thiện hòan thành tác phẩm « Văn Tuyển Chú », gồm 60 quyển, chú

dịch rõ ràng, bàng chứng uyên bác, dẫn chứng hơn 1689 loại sách, trong đó có nhiều cổ tịch mà sau này đều bị mất mát, nhờ Lý Thiện làm chú dẫn nên tồn tại từng đọan, từng câu , , trở thành một tư liệu suan trọng việc huấn hỗ, vì vậy « Văn Tuyển Chú » đươc các hộc hìa hậy thế tôn sùng.
Tuy nhiên, những chú giải của Lý Thiện về « Văn Tuyển thiên về việc tra khảo điển cố, mà sơ sài không giải quyết những văn nghĩa còn tranh chấp bế tắc.
Ngòai ra ; Lý Thiện còn sọan « Hán Thư Biện Cảm », gồm ba chục quyển, nhưng đều thất lạc.

Lưu Trinh
劉楨

Lưu Trinh 劉楨,là trứ danh thi nhân cuối đời nhà Hán, tự là Công Cán, là một trong « Kiến An Thất Tử »,người Ninh Dương, người Đông Bình Ninh Dương (nay *thuộc Ninh Dương tỉnh Sơn Đông*), cháu của Lưu Lương, lúc còn trẻ nổi tiếng là có tài văn học.Lúc lên tám chín tuổi, có thể đọc thống Luận Ngữ, và thơ phú hành vạn lời.Tính tình cứng cỏi bất khuất.
Lúc còn nhỏ Lưu Trinh chơi thân vơi Vương Sán, sau cùng vời Ứng Dương được Tào Tháo chiêu mộ dùng làm Thừa Tướng Duyện Thuộc, hành văn tuấn mỹ, tài tình.Đặc biệt về thơ ngũ ngôn,lời lẽ chân thật, chất phác, không chuộng điêu luyện,nổi tiếng đương thời và được người đời nể trọng.
Đại biểu thơ của Lưu Trinh có bài « Đình Đình Sơn Thượng Tòng » là ưu tú hơn cả.Trong thơ từng mô tả cảnh tòng bách hiên ngang cứng cỏi đứng chịu đựng giá rét phong sương, đó là tư cách của Trinh.
Trinh từng được Tào Phi khen : « Thơ ngũ ngôn của Lưu Trinh thật tuyệt diệu hơn hẳn những người đương thời ».
Một lần Tào Phi cử hành yến hội, đến lúc uống say, Tào Phi cho vợ là Chân Phu Nhân ra chào khách. Quan khách tất cả đều phủ phục cúi đầu, không dám nhìn lên. Riêng có Lưu Trinh lại ngẩng đầu nhìn thẳng để chiêm ngưỡng dung nhan Chân Phu Nhân.
Việc đến tai Tào Tháo, Tháo không vui, bắt tội Trinh là bất kính, đầy đi mài đá nặn gạch..
Hậu thế xếp Lưu Trinh ngang hàng với Tào Thực, nên gọi chung là "Lưu Tào", nhưng tác phẩm của Lưu Trinh đa số bị thất tán, nay còn lại 15 bài , nội dung phần lớn là thơ thù tạc.

Tứ Tử
賜 死

Cổ xưa « tứ tử » là hành vi của kẻ thống trị bức bách kẻ bị cai trị phải tự sát, tương tự như tội chết, thường vì muốn cho kẻ bị « tứ tử », khi chết còn giữ được sự tôn nghiêm.Chê độ « tứ tử » phần lớn xuất hiện ở các nước Trung Quốc, Nhật Bản, Triều Tiên, Hy Lạp, Lã Mã. Cổ xưa, kẻ thống trị có uy quyền tuyệt đối. Vạn vật dưới thế gian, kể cả sinh mệnh của con người, đều bị coi là tài sản của kẻ thống trị. Vì thế , « tứ tử » được coi là tương đối tôn nghiêm cho người bị giết, do đó được coi là một ân huệ của kẻ thống trị ban cho. Trước những hình pháp khốc liệt khác, như lăng trì, chu di tam tộc, cung hình, thì kẻ được « tứ tử » , chỉ có các chọn lựa là chấp được « tứ tử)
Theo sử sách, thì chế độ « Tứ tử » ở Trung Quốc có sớm nhất là vào thời nhà Thương, cho đến mãi cuối đời nhà Thanh, tệ nạn « ban ơn chết » này mới chấm dứt.